

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-PT
Ngày 06 - 3 - 2023
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên
bố giao dịch dân sự vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Các Thẩm phán:* Ông Lê THnh Tôn

Ông Phạm Minh Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim H: Chị Hồ Mỹ S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trương Ngọc H1, sinh năm 1966.

3.2. Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kim H, là nguyên đơn.

(Chị S, ông T1 có mặt, bà H1, ông H2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H do người đại diện theo ủy quyền chị Hồ Mỹ S trình bày:

Ngày 12/4/2021 bà H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T1 trả nợ, vụ án được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022. Theo Quyết định nêu trên ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 2.828.964.000 đồng, bà H làm đơn yêu cầu thi hành án đối với Quyết định nói trên và hiện tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã kê biên đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 23, diện tích 474m², đất ở của ông T1 (hiện trong giai đoạn bán đấu giá để thi hành án). Tuy nhiên, bà H biết được thông tin ông T1 và vợ bà Trương Ngọc H1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông T1, bà H1 với ông Phạm Văn H2 nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho bà H.

Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông T1, bà H1 với ông H2 là vô hiệu. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận chuyển nhượng cho ông H2 ngày 07/01/2022 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m².

Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận chuyển nhượng cho ông H2 ngày 07/01/2022 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m².

- Bị đơn ông Phạm Văn T1 có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ông T1 có nợ bà H được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022. Hiện tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã kê biên đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 23, diện tích 474m² của gia đình ông để thi hành án, đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1 là tài sản chung của vợ chồng ông. Tuy nhiên, ông và bà

H1 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H2 vào ngày 19/3/2018 và đã giao đất cho ông H2 sử dụng từ thời điểm trên, ngày 24/12/2021 thì ông, bà H1 và ông H2 mới ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Ngọc H1 có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày: Bà là vợ của ông T1 đi làm ăn không biết bà H là ai và cũng không biết ông T1 nợ tiền bà H, đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1 là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bà và ông T1 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H2 vào ngày 19/3/2018 và đã giao đất cho ông H2 sử dụng từ thời điểm trên, ngày 18/11/2021 thì bà có ủy quyền cho ông T1 để ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật đối với thửa đất nói trên. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ông Phạm Văn H2 có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày: Ông và ông T1, bà H1 đã làm giấy tay chuyển nhượng diện tích 3.170m² đất cây lâu năm vào ngày 19/3/2018 với số tiền 470.000.000 đồng, ông đã trả đủ tiền cho ông T1, bà H1 và ông đã nhận đất canh tác từ thời điểm trên, ngày 24/12/2021 thì ông, bà H1 và ông T1 mới ký hợp đồng chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật. Theo đó ông đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận chuyển nhượng ngày 07/01/2022 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m², tại trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C xét xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông Phạm Văn T1, bà Trương Ngọc H1 với ông Phạm Văn H2 là vô hiệu.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Bà Lê Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009120 ngày 06/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/10/2022, bà Lê Thị Kim H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông Phạm Văn T1, bà Trương Ngọc H1 với ông Phạm Văn H2 là vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Hồ Mỹ S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Phạm Văn T1 là bị đơn thống nhất bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim H nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chỉ có chị S, ông T1 có mặt, còn lại bà H1, ông H2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị Kim H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông Phạm Văn T1, bà Trương Ngọc H1 với ông Phạm Văn H2 là vô hiệu.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ bà H cung cấp Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông Phạm Văn T1, bà Trương Ngọc H1 với ông Phạm Văn H2. Bà H trình bày theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 thì ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 2.828.964.000

đồng. Ngày 24/12/2021 ông T1, bà H1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² cho ông H2 nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Mặc dù, Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã có kê biên tài sản khác của ông T1 để thi hành án, nhưng qua kết quả đấu giá thì giá trị tài sản không đủ thi hành cho bà H.

Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m², tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/6/2021 cho ông T1 và bà H1.

Ông H2 cung cấp “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 19/3/2018 chứng minh thửa đất nêu trên ông T1, bà H1 đã chuyển nhượng cho ông H2 vào ngày 19/3/2018”. Người làm chứng ông Phạm Văn Út B và ông Trần Văn B cũng xác nhận có chứng kiến ông T1 và bà H1 chuyển nhượng thửa đất trên cho ông H2, ông H2 đã trực tiếp sử dụng, canh tác trồng cây trên thửa đất từ 2018, phù hợp với lời trình bày của ông T1, bà H1 và ông H2.

Tại công văn số 511/CCTHADS ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C cung cấp thông tin. Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã kê biên tài sản của ông Phạm Văn T1 gồm: quyền sử dụng đất (QSDĐ) thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 23, diện tích 464m², loại đất ONT do hộ ông Phạm Văn T1 đứng tên; NH ở + công trình xây dựng gắn liền với đất, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và đang trong quá trình bán đấu giá để thi hành án; bà H cũng xác nhận vấn đề trên. Thực tế ông T1, bà H1 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông H2 từ năm 2018, đến ngày 24/12/2021 mới tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 giữa bà H và ông T1 có hiệu lực pháp luật. Đồng thời thửa đất trên ông H2 đã được công nhận quyền sử dụng đất và không bị cơ quan thi hành án dân sự kê biên; ông T1 cũng đã bị cơ quan thi hành án dân sự kê biên tài sản khác để thi hành án. Qua đó, giao dịch dân sự giữa ông T1, bà H1 và ông H2 có đủ các điều kiện theo quy định. Vì vậy, bà H cho rằng ông T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là không có căn cứ.

Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông T1, bà H1 với ông H2 vô hiệu là không căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có

căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim H.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/12/2021 đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.170m² giữa ông Phạm Văn T1, bà Trương Ngọc H1 với ông Phạm Văn H2 là vô hiệu.
4. Về án phí, tạm ứng án phí: Bà Lê Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009120 ngày 06/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0013428, ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dũng